

QUY ĐỊNH

Nội dung, mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND
ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định nội dung, mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi;

b) Quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương.

2. Đối với các nội dung chi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định cụ thể về chế độ, tiêu chuẩn, định mức thì thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG, MỨC CHI QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 3. Quy định nội dung, mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi hoạt động của các Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới

sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, như sau:

a) Chi tiền thù lao

TT	Nội dung	ĐVT	Mức chi (1.000 đồng)
1	Chi Hội đồng: xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng	Người	1.620
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng	Người	1.350
	Thư ký khoa học	Người	300
	Thư ký hành chính	Người	300
	Đại biểu được mời tham dự	Người	200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng	phiếu	630
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện	phiếu	900
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch Hội đồng	Người	630
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng	Người	450

2	Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng	Người	1.350
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Người	900
	Thư ký khoa học	Người	300
	Thư ký hành chính	Người	300
	Đại biểu được mời tham dự	Người	200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng	phiếu	450
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện	phiếu	630
3	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
a	Chi họp Hội đồng	01 Nhiệm vụ có 01 hoặc nhiều đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả	
	Chủ tịch Hội đồng	Người	1.620
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Người	1.350
	Thư ký khoa học	Người	300
	Thư ký hành chính	Người	300
	Đại biểu được mời tham dự	Người	200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	

	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng	phiếu	630
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện	phiếu	900
4	Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia Tổ chuyên gia	Chuyên gia	1.350

b) Chi thù lao đối với các Hội đồng được quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (trừ các Hội đồng đã được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) được áp dụng mức chi cụ thể như sau:

- Đối với các Hội đồng: Hội đồng tư vấn công nhận/hội đồng tư vấn chấm dứt, hủy bỏ hoặc từ chối chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực giấy công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo; hội đồng đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ chi 90% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

- Đối với các Hội đồng: Hội đồng xét duyệt đối tượng cung cấp và sản phẩm mới, dịch vụ mới; hội đồng thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hội đồng tư vấn để xem xét việc thu hồi hoặc hủy bỏ hiệu lực giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ chi 70% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

- Đối với các Hội đồng: Hội đồng xây dựng khung chương trình hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính; thực hiện mức chi bằng 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

c) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của các Hội đồng (*thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống và các chi phí cần thiết khác*) theo thực tế phát sinh, phù hợp với khối lượng công việc và chế độ, định mức chi tiêu theo quy định hiện hành.

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chi tiền thù lao:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	900
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	630
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	270
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	180

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định (*thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống và các chi phí cần thiết khác*) theo thực tế phát sinh, phù hợp với khối lượng công việc và chế độ, định mức chi tiêu theo quy định hiện hành.

3. Chi thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên các phương tiện truyền thông (*báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác*) theo báo giá và thanh toán theo hợp đồng thực tế phát sinh.

4. Chi công tác kiểm tra đánh giá trong kỳ và đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá theo quy định tại Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi;

b) Chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ bằng 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 điểm a khoản 1 Điều này;

c) Chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được áp dụng bằng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 điểm a khoản 1 Điều này;

5. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại khoản 4 Điều 5 quy định này.

6. Đối với chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thành lập các Ban chủ nhiệm chương trình: Mức chi thù

lao các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm chương trình áp dụng theo mức chi cho thành viên hội đồng của Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 3 điểm a khoản 1 Điều này.

Mức chi cho các hoạt động của Ban Chủ nhiệm chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Chi tổ chức xây dựng chiến lược, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của địa phương trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Chi điều tra khảo sát, thu thập và phân tích thông tin thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

b) Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: Thực hiện theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND; khoản 4 Điều 5 quy định này và các văn bản khác có liên quan;

c) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch thực hiện theo thực tế phát sinh, phù hợp với khối lượng công việc và chế độ, định mức chi tiêu theo quy định hiện hành.

Điều 4. Nội dung, mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở

Chi hoạt động quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 được áp dụng mức chi bằng 60% mức chi tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 3 quy định này.

Chương III

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 5. Nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi thù lao cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy đổi (DM_{CN}) là 63 triệu đồng/người/tháng. Mức chi thù lao đối với chức danh thành viên chính bằng 0,8 lần DM_{CN} ; chức danh thành viên bằng 0,4 lần DM_{CN} ; chức danh thư ký khoa học bằng 0,3 lần DM_{CN} ; chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (không bao gồm lao động phổ thông) bằng 0,2 lần DM_{CN} .

Mức chi thù lao, hệ số lao động khoa học và số tháng quy đổi cho các chức danh, nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được tính theo công thức quy định tại Điều 10 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Mức chi tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có) được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất và tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 26 ngày).

3. Chi thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Thuê chuyên gia trong nước:

Tổng kinh phí thực hiện thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng kinh phí chi tiền thù lao quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

b) Chi thuê chuyên gia ngoài nước là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài:

Tổng kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia không quá 50% tổng kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

4. Chi công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước; hợp tác quốc tế phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Chi tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước; hợp tác quốc tế phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND; Nghị quyết 20/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và các văn bản khác có liên quan.

b) Định mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

DVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi
1	Người chủ trì	Buổi	1.800
2	Thư ký	Buổi	630
3	Báo cáo viên trình bày	Báo cáo	4.500

4	Báo cáo khoa học không trình bày	Báo cáo	2.700
5	Thành viên tham gia	Người/buổi	270

5. Chi dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên cơ sở khối lượng công việc cần thiết theo báo giá và thanh toán theo hợp đồng thực tế phát sinh.

6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc theo quy định tại Nghị quyết 24/2026/NQ-HĐND.

7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch thực hiện theo thực tế phát sinh, phù hợp với khối lượng công việc và chế độ, định mức chi tiêu theo quy định hiện hành.

8. Chi cho phí công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế thực hiện theo mức phí được niêm yết công khai của nhà xuất bản tại thời điểm lập dự toán, phí chuyển khoản và nghĩa vụ thuế (nếu có).

9. Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Chi cho Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thực hiện bằng 50% mức chi cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định này.

10. Chi tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo báo giá dịch vụ tư vấn của tổ chức, cá nhân tư vấn/tổ chức đại diện sở hữu trí tuệ trong nước và quốc tế tại thời điểm lập dự toán.

11. Chi phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (*báo giấy, báo hình, báo điện tử, xuất bản ấn phẩm và các phương tiện truyền thông khác*) theo báo giá và thanh toán theo hợp đồng thực tế phát sinh.

12. Chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bằng 4,5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhưng tối đa không quá 450 triệu đồng/nhiệm vụ.

Điều 6. Nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở

Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Luật số 93/2025/QH15 được áp dụng mức chi theo quy định tại Điều 5 Quy định này. Cụ thể như sau:

1. Chi thù lao cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ; chi công tác quản lý chung thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở được áp

dụng 60% mức chi quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm b khoản 4, khoản 9 và khoản 12 Điều 5 Quy định này.

2. Các nội dung chi khác thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 5 Quy định này và các quy định khác có liên quan./.